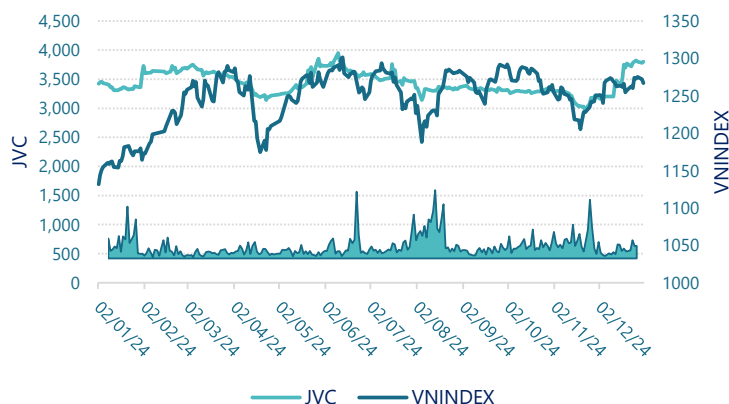


CTCP Đầu tư và Phát triển Y tế Việt Nhật (HSX: JVC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	3,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	3,950
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,970
SL cổ phiếu LH	112,500,171
KLGD BQ 20 phiên (CP)	518,925
% sở hữu nước ngoài	1.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	428
P/E	8.2
EPS	461

DT thuần

Q4/24

189

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 41.0 | 27.5%

YoY: ▼ 6.00 | -3.2%

LN sau thuế

Q4/24

28.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 19.6 | 231%

YoY: ▲ 8.10 | 40.5%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

11.3%

+/- YoY: ▲ 0.7%

DT thuần

2024

613

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 37.0 | 6.3%

LN sau thuế

2024

51.9

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 0.70 | -1.4%

ROE

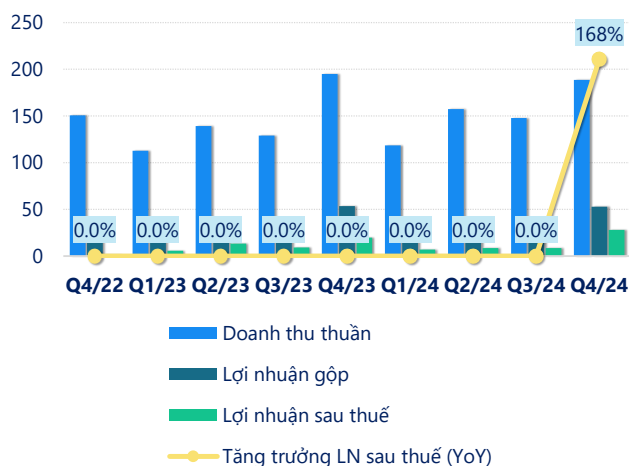
2024

9.9%

+/- YoY: ▼ 1.3%

tỷ VNĐ

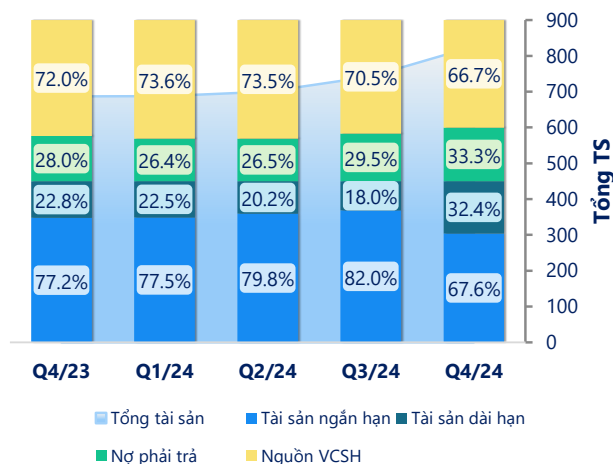
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

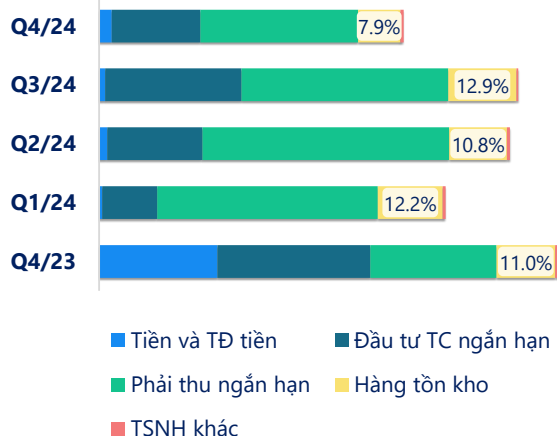
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



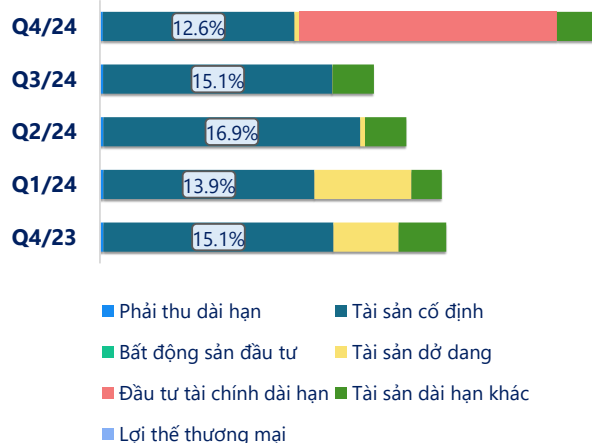
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

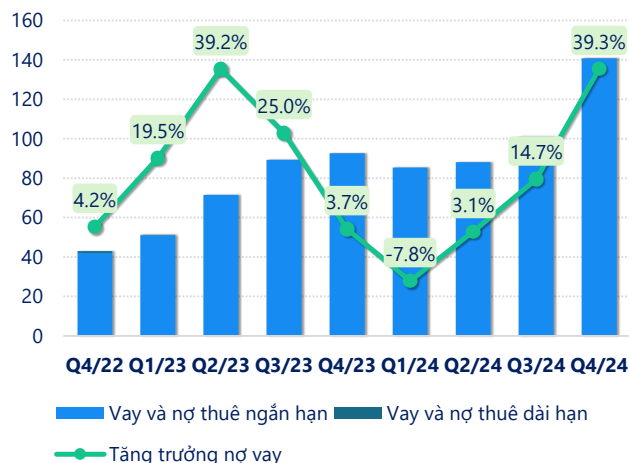
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

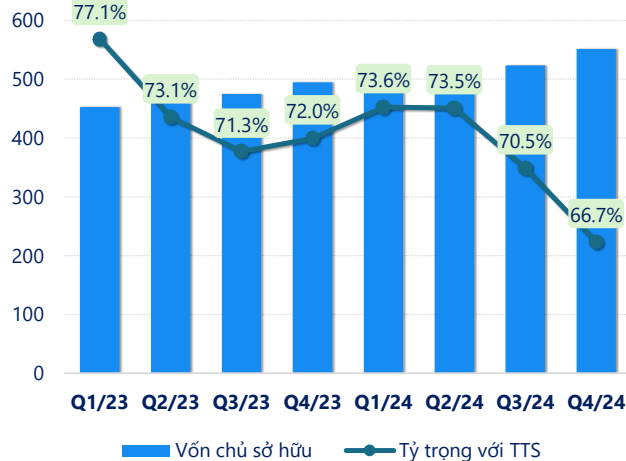
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

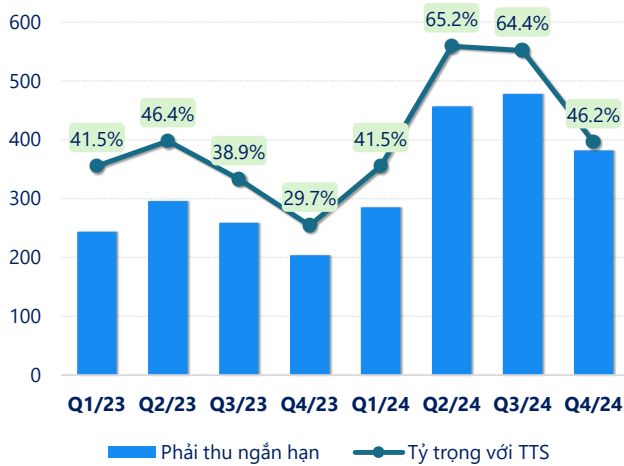
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



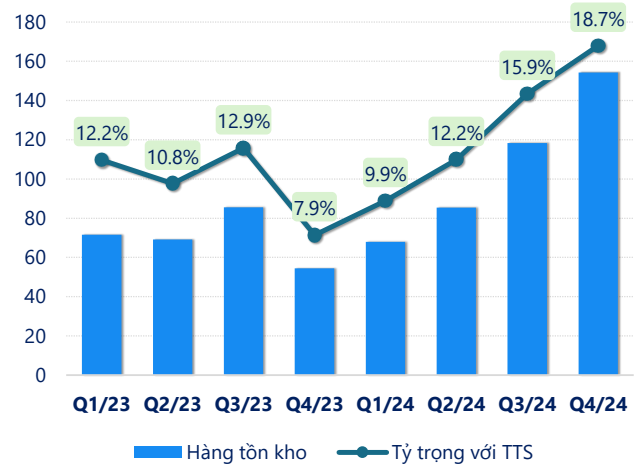
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


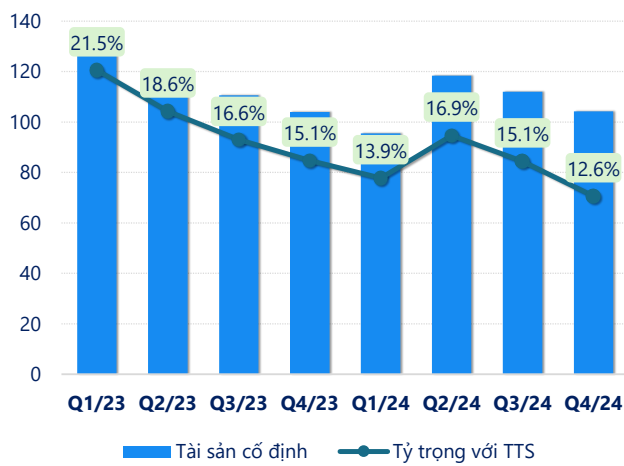
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


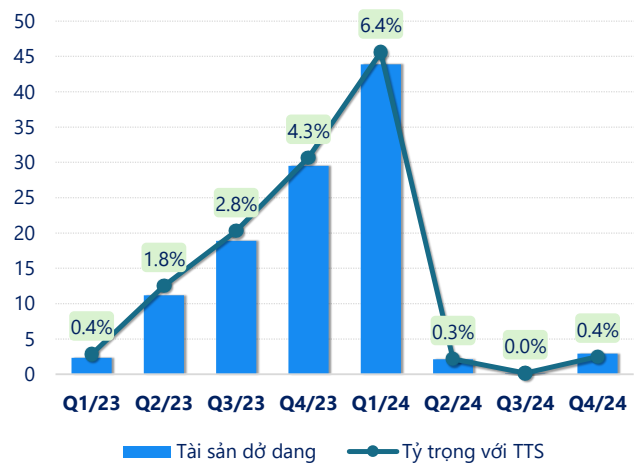
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

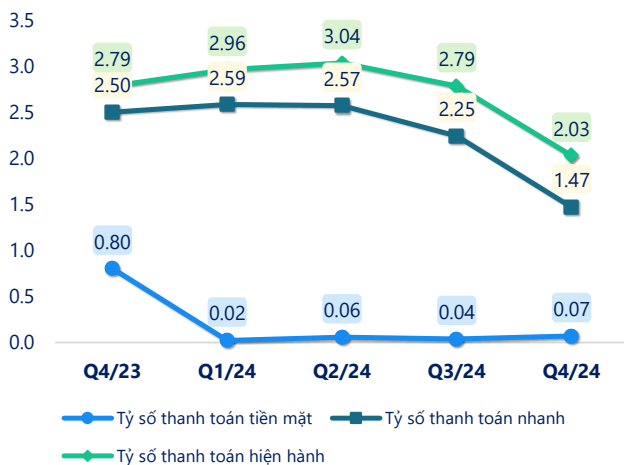
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

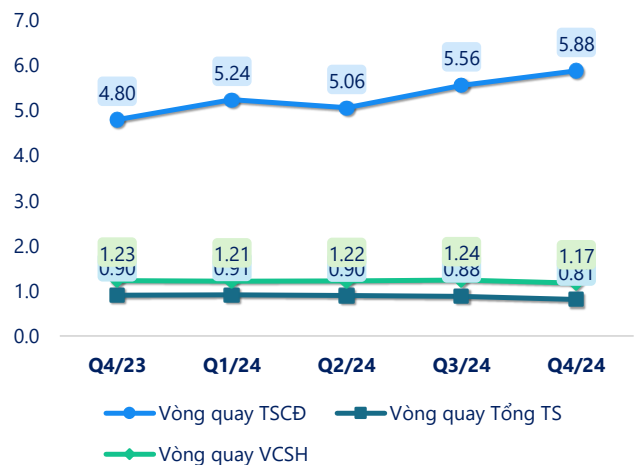
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	687	688	700	743	826
Tài sản ngắn hạn	530	533	559	609	558
Tiền và tương đương tiền	153	4.07	10.7	8.69	19.6
Đầu tư tài chính ngắn hạn	115	173	0.24	0.18	0.18
Phải thu ngắn hạn	204	285	457	478	382
Hàng tồn kho	54.5	67.9	85.4	118	154
Tài sản ngắn hạn khác	4.54	3.23	5.88	3.41	2.47
Tài sản dài hạn	157	155	141	134	268
Phải thu dài hạn	1.59	1.59	1.59	1.59	1.52
Tài sản cố định	104	95.5	118	112	104
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	29.5	43.9	2.13	0.17	2.91
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	140
Tài sản dài hạn khác	21.5	13.7	19.1	20.2	19.5
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	192	182	185	219	275
Nợ ngắn hạn	190	180	184	218	275
Vay và nợ thuê ngắn hạn	92.7	85.5	88.1	101	141
Phải trả người bán ngắn hạn	47.0	49.0	46.6	70.2	88.8
Nợ dài hạn	2.29	1.86	1.38	1.00	0.34
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	495	506	515	523	551
Vốn chủ sở hữu	495	506	515	523	551
Vốn điều lệ	1,125	1,125	1,125	1,125	1,125
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)